

GIÁO TRÌNH

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DAY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

CHUẨN BỊ DẠY HỌC

S
P
K
T

GIÁO TRÌNH
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DAY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

CHUẨN BỊ DẠY HỌC

TÁC GIẢ: VÕ ĐÌNH DƯƠNG

LƯU HÀNH NỘI BỘ
NĂM 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dẫn dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo. Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, chương trình bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đã có nhiều lần chỉnh sửa theo hướng cập nhật những nội dung quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nhà giáo đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội. Vì thế, tài liệu phục vụ cho bồi dưỡng, đào tạo cũng có nhiều cập nhật và đổi mới. Tài liệu Module 03 “Chuẩn bị dạy học” được biên soạn theo hướng dẫn của “Thông tư 06/2022/TT-BLĐTBXH” quy định chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo dục nghề nghiệp. Chương trình này gồm 07 Module bắt buộc và 04 Module tự chọn tổng cộng có 280 tiết dạy. Module 03 “Chuẩn bị dạy học” gồm 44 tiết. Cấu trúc nội dung gồm 07 bài học theo trình tự như sau:

Bài 1: Lập kế hoạch dạy học mô-đun, môn học.

Bài 2: Thiết kế bài lý thuyết.

Bài 3: Thiết kế bài thực hành.

Bài 4: Thiết kế bài tích hợp.

Bài 5: Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, không gian học tập.

Bài 6: Phát triển phương tiện dạy học.

Bài 7: Thiết kế môi trường dạy học tương tác.

Mỗi bài học trong tài liệu là căn cứ quan trọng để tổ chức bồi dưỡng những kỹ năng dạy học cho nhà giáo; qua đó, nhà giáo hình thành được những kỹ năng cần thiết thuộc nhiệm vụ chuẩn bị cho dạy học. Khi triển khai bồi dưỡng, mỗi kỹ năng được tổ chức dạy học thông qua hai phần: Phần thứ nhất, người học có được nhận thức về những căn cứ liên quan đến hình thành kỹ năng; phần thứ hai, người học rèn được kỹ năng nhờ quá trình luyện tập gắn với công việc cụ thể thuộc nhiệm vụ chuẩn bị cho dạy học.

Chúng tôi xin cảm ơn quý thầy cô giáo, các anh chị học viên đã quan tâm, đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho tác giả trong quá trình biên soạn tài liệu. Tuy nhiên, trong khuôn khổ thời gian và khả năng có hạn, tài liệu có thể còn một số hạn chế đang tồn tại, rất mong tiếp tục nhận được những góp ý của quý thầy cô và các bạn.

Trân trọng !

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	BÀI 1. LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔ-ĐUN, MÔN HỌC	1
2	1. Khái quát về kế hoạch dạy học	1
3	2. Biên soạn giáo án	1
4	3. Áp dụng biên soạn giáo án cho bài dạy lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	18
5	BÀI 2. THIẾT KẾ BÀI LÝ THUYẾT	44
6	1. Những vấn đề chung về thiết kế bài lý thuyết	44
7	2. Quy trình thiết kế bài lý thuyết	50
8	BÀI 3. THIẾT KẾ BÀI THỰC HÀNH	61
9	1. Những vấn đề chung về thiết kế bài thực hành	61
10	2. Quy trình thiết kế bài thực hành	68
11	BÀI 4. THIẾT KẾ BÀI TÍCH HỢP	78
12	1. Những vấn đề chung về thiết kế bài tích hợp	78
13	2. Quy trình thiết kế bài tích hợp	85
14	BÀI 5. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ, DỤNG CỤ, VẬT TƯ, KHÔNG GIAN HỌC TẬP PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC	91
15	1. Khái quát chung về phương tiện dạy học	91
16	2. Vai trò khả năng và các chức năng của phương tiện dạy học	97
17	3. Chức năng của phương tiện dạy học	98
18	4. Học liệu số	100
19	BÀI 6. PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC	109
20	1. Khái quát chung về phát triển phương tiện dạy học	109
21	2. Thiết kế - phát triển và sử dụng phương tiện dạy học	110
22	3. Học liệu số đa phương tiện	123
23	BÀI 7. THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG DẠY HỌC TƯƠNG TÁC	135
24	1. Môi trường dạy học tương tác	135
25	2. Thiết kế môi trường dạy học tương tác trong lớp học	139
26	TÀI LIỆU THAM KHẢO	144

BÀI 1

LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔ-ĐUN, MÔN HỌC

A. MỤC TIÊU DẠY HỌC

Hoàn thành bài học này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, các loại kế hoạch, căn cứ và các bước lập kế hoạch dạy học mô-đun, môn học.
- Kỹ năng: Lập được kế hoạch dạy học mô-đun, môn học.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch dạy học mô-đun, môn học đáp ứng yêu cầu được giao.

B. NỘI DUNG DẠY HỌC

1. Khái quát về kế hoạch dạy học

- Xây dựng Kế hoạch dạy học là một tập hợp những hoạt động thiết kế, tổ chức và sắp xếp các hoạt động dạy học tại cơ sở đào tạo của người dạy và người học theo trình tự nhất định dựa theo nguyên tắc đã được quy định để đạt được mục đích/ tiêu dạy học đã đề ra.

- Các loại kế hoạch cụ thể dùng trong dạy học
- Khung chương trình (cấp trung ương)
- Chương trình dạy học khung (cấp bộ quản lý tập trung)
- Chương trình đào tạo (nội bộ cơ sở đào tạo)
- Kế hoạch năm học/học kỳ (kế hoạch đào tạo)
- Chương trình môn học/mô đun và Kế hoạch dạy học môn học/mô đun/lớp (kế hoạch cá nhân được phân công)
- Đề cương chương trình môn học/mô đun (kế hoạch cá nhân)
- Kế hoạch/bài soạn giáo án cho từng buổi lên lớp (kế hoạch cá nhân).

Tuy nhiên, trong các loại kế hoạch nêu trên thì giáo án được xem là kế hoạch tiêu biểu và cần thiết nhất phải chuẩn bị chu đáo trước quá trình lên lớp giảng dạy của người dạy.

Biểu mẫu và nội dung kế hoạch dạy học (giáo án) được hướng dẫn bởi:

- Quyết định 62/2008/QĐ-BLĐTĐ ngày 04 tháng 11 năm 2008
- Thông tư 06/2022/TT-BLĐTĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022

2. Biên soạn giáo án

2.1. Khái niệm giáo án

Giáo án là kế hoạch dạy học cho một lần lên lớp giảng dạy của người dạy, bao gồm tên chủ đề của buổi lên lớp, mục tiêu dạy học, nội dung, phương pháp và phương tiện dạy học, những hoạt động cụ thể của người dạy – người học, khâu kiểm tra đánh giá mức độ

lĩnh hội và hình thành năng lực của người học. Tất cả được biên soạn theo trình tự thực tế sẽ diễn ra trong lớp học.

Giáo án được người dạy biên soạn trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định phần lớn sự thành công của bài học. Nói một cách khác, giáo án là bản thiết kế cho tiến trình một lần lên lớp giảng dạy, là bản kế hoạch mà người dạy dự định sẽ thực hiện giảng dạy trên lớp cho nhóm đối tượng người học cụ thể. Với một nội dung dạy học cụ thể, với những đối tượng người học khác nhau, với những người dạy khác nhau thì sẽ có những giáo án (bản kế hoạch dạy học) khác nhau.

2. 2. Phân loại giáo án

Có nhiều cách phân loại giáo án, sau đây những cách phân loại phổ biến nhất:

▪ **Căn cứ vào nội dung:** thì có thể chia ra 3 loại giáo án

- Giáo án soạn cho từng phần, từng chủ điểm của nội dung.
- Giáo án soạn cho từng buổi học, từng tiết học (phổ biến).
- Giáo án dùng để hướng dẫn người học thực hiện một dự án.

▪ **Căn cứ vào hình thức:** thì có 2 loại:

– Giáo án chi tiết: phải cụ thể nội dung dạy học, phương pháp, hoạt động người dạy-người học, thời gian phân chia các hoạt động, phương tiện sử dụng và hình thức và câu hỏi kiểm tra mức độ lĩnh hội của người học. Thông thường giáo án này dùng cho người dạy mới, nội dung dạy học khó, phức tạp.

– Giáo án giản lược: Trong đó dàn ý nội dung bài giảng có thể ghi theo trọng tâm thành từng phần nhỏ theo thứ tự và khái quát. Phần hoạt động người dạy – người học có thể ghi tên phương pháp dạy học và phương tiện dạy học.

▪ **Căn cứ vào mục đích dạy học:** thì có 3 loại:

- Giáo án lý thuyết.
- Giáo án thực hành.
- Giáo án tích hợp.

2. 3. Cơ sở để căn cứ biên soạn giáo án

▪ **Đầu tiên là chương trình môn học/module:** phân phối chương trình, chuẩn kiến thức kỹ năng, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo. Mỗi môn học/module đều có tiến trình dạy học cụ thể và nhiệm vụ của người dạy là chuẩn bị giáo án theo đúng tiến trình của cơ quan chủ quản.

▪ **Thứ hai là điều kiện cơ sở vật chất:** lớp học, phòng máy, trang thiết bị dạy học. Chẳng hạn, với lớp học có đầy đủ thiết bị hiện đại thì có thể sử dụng máy chiếu để người học dễ nhìn và tiết kiệm thời gian, công sức. Còn đối với những lớp học không có thiết bị hiện đại, thì bắt buộc người dạy phải viết tay kết hợp với giảng để người học hiểu bài.

▪ **Thứ ba là đặc điểm nội dung:** đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình biên soạn giáo án của người dạy. Chẳng hạn, nếu nội dung bài học đơn giản thì bạn có thể thiết kế các người học chơi liên quan đến bài học vừa giúp người học dễ nhớ vừa thư giãn

đầu óc. Còn với bài học dài thì nên cân nhắc nội dung để giảng hết bài học mà vẫn đảm bảo đầy đủ và dễ hiểu.

▪ **Cuối cùng, trình độ tiếp thu và kinh nghiệm của người học:** với từng đối tượng người học khác nhau, căn cứ vào trình độ đầu vào, khả năng nhận thức và kinh nghiệm vốn có. Người dạy có những phương án tiếp cận khác nhau trong cách thiết kế giáo án để tổ chức dạy học phù hợp cho họ. Người dạy cũng có thể chỉ cần xây dựng giáo án cơ bản, sau đó trong quá trình dạy thì tùy theo đối tượng người học mà có những điều chỉnh cho phù hợp với khả năng và trình độ tiếp thu của người học.

2. 4. Quy trình biên soạn giáo án

▪ **Bước 1:** Xác định mục tiêu dạy học

– Sau khi kết thúc bài học, tiết học; người học đạt được điều gì về: kiến thức, kỹ năng, thái độ.

– Căn cứ vào chuẩn năng lực để xác định các mức độ (biết, hiểu, vận dụng) cụ thể của bài học.

▪ **Bước 2:** Biên soạn nội dung dạy học

– Cơ sở biên soạn nội dung dạy học.

– Thành phần của nội dung dạy học.

– Tiến hành biên soạn nội dung cho bài dạy:

✓ Nội dung dạy học lý thuyết,

✓ Nội dung dạy học thực hành

✓ Nội dung dạy học tích hợp

▪ **Bước 3:** Lựa chọn phương pháp dạy học chủ đạo

– Định hướng phương pháp chính được áp dụng trong bài dạy.

– Ngoài phương pháp chính thì đối với từng hoạt động cụ thể của bài học chúng ta có thể đưa ra các phương pháp khác cho phù hợp với đặc thù.

– Để xác định đúng phương pháp để áp dụng thì chúng ta cần phải căn cứ vào:

✓ Điều kiện cơ sở vật chất: lớp học, trang thiết bị dạy học, nhà xưởng...

✓ Đặc điểm nội dung bài học.

✓ Trình độ tiếp thu của người học

▪ **Bước 4:** Chuẩn bị phương tiện dạy - học

– Chuẩn bị cho người dạy: máy tính, máy in, máy chiếu, phần mềm, tranh ảnh, sơ đồ, phiếu dạy học, mô hình, vật thật, ...

– Chuẩn bị cho người học: tài liệu dạy học, công cụ ghi chép.

▪ **Bước 5:** Tổ chức các hoạt động dạy học và phân bổ thời lượng

– Tổ chức được hoạt động của người dạy và hoạt động của người học phải tương ứng và tương tác logic trong từng hoạt động một cách chi tiết hướng đến từng mục tiêu dạy học cụ thể. Chú ý tích cực hóa hoạt động người học trong quá trình dạy học.

- Theo dõi, giám sát để quản lý khả năng tham gia và lĩnh hội của người học qua từng phần, mục nội dung bài.
- Định hướng phân bổ thời lượng cho mỗi hoạt động hợp lý.
- **Bước 6:** Tổng kết cuối bài: củng cố, đánh giá, giao nhiệm vụ, rút kinh nghiệm.
- Tóm tắt, nhấn mạnh các điểm chính của bài học.
- Có thể dùng phiếu đánh giá cuối bài thay cho tổng kết.
- Giao nhiệm vụ hoặc bài tập cho người học về nhà thực hiện.
- Giới thiệu tài liệu hoặc các hình thức tham khảo cần thiết khác.
- Đúc rút kinh nghiệm, nhận xét đánh giá bài dạy nhằm có được thông tin phản hồi để kịp thời điều chỉnh cải tiến nâng cao hiệu quả dạy học.

2. 5. Thành phần chính căn cứ khi triển khai biên soạn giáo án

2. 5. 1. Xác định mục tiêu dạy học

2.5.1.1. Khái niệm mục tiêu dạy học

Mục tiêu dạy học là tuyên bố về những gì người học phải hiểu rõ, phải nắm vững, phải làm được sau bài dạy. Mục tiêu dạy học cần được viết dưới góc độ người học để nhấn mạnh kết quả cuối cùng của bài dạy là ở phía các người học chứ không phải ở phía người dạy.

Mục tiêu dạy học là mô tả trạng thái mong muốn ở người học gồm hành vi và nội dung sau quá trình dạy học cần phải đạt được. Các hành vi được trình bày bởi các động từ như: giải thích, lắp, ráp, thực hiện,...vv; Còn nội dung là đối tượng như: nguyên lý, khái niệm, hệ thống, ...vv;

Mục tiêu dạy học chính là mục tiêu cho quá trình dạy học. Quá trình dạy học có thể là quá trình dạy một phần bài dạy, một bài, một môn học hay cả quá trình đào tạo. Chính vì vậy mà mục tiêu dạy học cũng chính là mục tiêu đào tạo, mục tiêu của một môn học cụ thể nào đó, hay một phần của một chương trình môn học hoặc một bài dạy hay một phần bài dạy. Mục tiêu dạy học là kết quả dự kiến mà người học phải đạt được khi kết thúc quá trình dạy học. Khái niệm Mục tiêu dạy học được sử dụng với hàm ý người học học được những gì, người ta không sử dụng khái niệm mục đích trong trường hợp này vì khái niệm mục đích có hàm ý xa hơn là học để làm gì.

Vậy, có thể hiểu “*Sự mô tả khả năng: về kiến thức, về kỹ năng – kỹ xảo, về thái độ mà người học phải có sau khi tham gia và hoàn thành 1 đơn vị dạy học.*”

Nhiều người dạy rất muốn dạy thật tốt, nhưng do họ không có ý tưởng rõ ràng về cái đích cuối cùng phải đạt được sau bài dạy nên đến cuối buổi học, có nhiều người học thực hiện được, có một số người học thì không. Vậy, để xác định Mục tiêu dạy học chúng ta tiếp cận theo quan điểm của Benjamin Bloom, Mục tiêu dạy học được xem xét theo ba khía cạnh là kiến thức, kỹ năng và thái độ.

2.5.1.2. Xác định mục tiêu dạy học cho bài dạy lý thuyết

Để viết được mục tiêu dạy học cho bài dạy lý thuyết chúng ta cần hiểu biết những mức độ khác nhau của việc nắm vững kiến thức. Dựa trên tính chất của các chức năng của trí tuệ, Bloom đã tiến hành phân chia trình độ nhận thức của người học thành sáu mức độ như sau:

✓ *Biết* được biểu hiện ở chỗ người học có khả năng ghi nhớ các sự kiện, thuật ngữ và các nguyên lý dưới hình thức một biểu tượng xác định về đối tượng mà mình đã học. Sự ghi nhớ này đôi khi không có tính hệ thống;

✓ *Thông hiểu*: được biểu hiện ở chỗ chủ thể có thể hiểu và biết diễn giải, mô tả, tóm tắt thông tin về đối tượng mà mình đã thu lượm. Người học có thể biểu đạt sự thông hiểu của mình khi tiến hành giải thích tài liệu bằng lời, bằng đồ thị, biểu đồ hoặc bằng công thức toán học. Người học còn có khả năng dự đoán trước mọi sự vận động của đối tượng trong tương lai bằng cách phân tích nội dung của tài liệu, biết chứng minh được tính hợp lý của phương pháp, hướng đi và cách làm của mình;

✓ *Áp dụng*: được biểu hiện ở chỗ người học có khả năng biết dùng các khái niệm và các nguyên lý đã biết để tiến hành giải quyết hoàn cảnh mới hoặc các tình huống thực tiễn. Áp dụng biểu hiện khả năng của chủ thể biết giải quyết được các vấn đề phát sinh cũng như biết chứng minh tính chính xác cho cách thức sử dụng phương pháp của mình;

✓ *Phân tích*: được biểu hiện ở chỗ chủ thể có khả năng nhận ra các kết luận không được trình bày, các sai lầm về mặt logic đang tồn tại trong lập luận, biết phân biệt sự kiện với suy luận, biết phân tích cấu trúc của thao tác tổ chức công việc;

✓ *Đánh giá*: được biểu hiện ở chỗ chủ thể biết tiến hành so sánh, phê phán, chọn lọc, đưa ra các quyết định cũng như đánh giá tính nhất quán, tính logic của tài liệu, sự hợp lý của các kết luận và cách sử dụng các dữ kiện để suy nghĩ mà đưa ra các kết luận đó, biết xác định giá trị của công việc theo tiêu chuẩn.

✓ *Sáng tạo*: được biểu hiện ở chỗ chủ thể biết kết hợp các bộ phận thành tổng thể mới. Người học có khả năng trình bày một vấn đề có cấu trúc hợp logic hoặc viết một bài luận hay một báo cáo có tính sáng tạo. Ở mức sáng tạo, người học có khả năng đề xuất một kế hoạch cho công tác tiến hành thí nghiệm, kết hợp được các lĩnh vực khác nhau để xây dựng kế hoạch và cách thức thực hiện cho việc giải quyết vấn đề;

Bảng 2.1: Các mức độ nhận thức do B. J. Bloom đề xuất cùng động từ và ví dụ.

Mức độ	Định nghĩa	Các động từ	Ví dụ
1. <i>Biết/ nhớ</i>	Nhắc lại các sự kiện	Kể tên, liệt kê, mô tả, phát biểu, tái hiện, viết, nhớ lại, định nghĩa...	Nhắc lại được định luật ôm, định luật vạn vật hấp dẫn...

2. Thông hiểu	Trình bày hoặc phân tích được ý nghĩa của các sự kiện	<i>Giải thích, minh họa, làm sáng tỏ, phán đoán...</i>	Tìm được điện trở R khi cho U & I (định luật ôm).
3. Vận dụng	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp riêng biệt	<i>Phân biệt, giải bài toán, áp dụng, chỉ ra, lựa chọn...</i>	Thiết kế được một mạng điện khi có đủ các thông số cần thiết.
4. Phân tích	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp phức hợp	<i>So sánh, phân loại, phân chia...</i>	Thiết kế một mạng điện khi phải tìm ra các thông số cần thiết.
5. Đánh giá	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp để đưa ra các giải pháp mới và so sánh nó với các giải pháp đã biết khác	<i>Quyết định, nhận định...</i>	Thiết kế lại được các mạng điện với các chỉ số có hiệu quả hơn. Lựa chọn được giải pháp cho mạng điện tối ưu.
6. Sáng tạo	Vận dụng các nguyên lý, quy luật vào các trường hợp phức hợp để đưa ra các giải pháp, phương án mới.	<i>Thiết kế, phát thảo, xây dựng, lắp ráp, phát triển....</i>	Thiết kế được mạng điện với các chỉ số phù hợp hiệu quả hơn. Xây dựng được mạng điện tối ưu.

Việc học các kiến thức lý thuyết bao giờ cũng là để dẫn tới một sự thực hiện nào đó. Về bản chất, các bài dạy lý thuyết bên cạnh việc hình thành kiến thức còn nhằm hình thành các kỹ năng trí tuệ ở người học như kỹ năng quan sát, nhận biết, phân tích, tổng hợp, phán đoán, ...;

Nhìn vào các ví dụ ở bảng trên, tương ứng với mỗi cấp độ nhận thức ta đều có thể tìm được các động từ chỉ sự thực hiện có thể quan sát và đánh giá được. Như vậy có nghĩa là chúng ta hoàn toàn có khả năng viết mục tiêu thực hiện cho các bài dạy lý thuyết.

Mục tiêu bài dạy lý thuyết cũng phải viết dưới góc độ người học và bắt đầu bằng **một động từ hành động** tương ứng với các cấp độ nắm vững kiến thức và có bổ ngữ làm rõ nghĩa cho động từ đó. Tuy nhiên, để làm được việc này đòi hỏi người dạy phải nỗ lực rất nhiều, cố gắng để tìm ra những động từ hành động thích hợp, bối cảnh áp dụng kiến thức lý thuyết trong thực tiễn nghề nghiệp cũng như xác định các tiêu chuẩn đánh giá sự thực hiện đó. Một số ví dụ tham khảo như sau:

Ví dụ 1: Chủ đề bài dạy: *Phương pháp vẽ hình chiếu trục đo*

Mục tiêu: Sau bài học, người học có khả năng:

- *Xác lập được chế độ vẽ ba mặt của hình chiếu trục đo vuông góc đều.*
- *Vẽ được đường thẳng, đường người học trên hình chiếu trục đo vuông góc đều bằng các lệnh Line, Ellipse.*
- *Kết hợp các lệnh Snap, Grid, Trim để hoàn thành bản vẽ vật thể trong bài tập 1 của giáo trình.*

Ví dụ 2: Chủ đề bài dạy: Cấu tạo chung của máy kinh vĩ

Mục tiêu: Sau bài học, người học có khả năng:

- *Mô tả được cấu tạo của máy kinh vĩ trên bản vẽ cũng như trên vật thật.*
- *Trình bày được cách cân chỉnh máy kinh vĩ.*
- *Đọc được các số đo trên hệ thống đọc số.*
- *Trình bày được qui trình cân chỉnh, đo và đọc số trên máy kinh vĩ.*

Ví dụ 3: Chủ đề bài dạy: Cấu trúc điều khiển

Mục tiêu: Sau bài học, người học có khả năng:

Giải thích được cú pháp của lệnh lặp FOR

- *Phân tích được thành phần của lệnh gán viết sau từ khoá FOR và giá trị viết sau từ khoá TO trong cú pháp.*
- *Giải thích được hoạt động của vòng lặp FOR trên lưu đồ.*
- *Viết được chương trình Pascal với một biểu điều khiển.*

2.5.1.3. Xác định mục tiêu dạy học cho bài dạy thực hành

Kỹ năng được biểu hiện ở khả năng con người có thể biết hoàn thành hành động dựa trên kiến thức và kỹ năng đã có trong những điều kiện mới với thời gian nhất định. Trong khi thực hiện nhiệm vụ của quá trình dạy học, người dạy không chỉ tạo mọi điều kiện cho người học lĩnh hội được hệ thống các đơn vị kiến thức khái quát mà còn tổ chức rèn luyện cho họ hệ thống những kỹ năng chung nhất định. Kỹ năng được hình thành từ đơn giản đến phức tạp bằng con đường luyện tập theo Harrow có 5 mức độ hình thành kỹ năng:

- ✓ *Mức độ bắt chước được:* Chủ thể biết thực hiện hành động theo mẫu có sẵn. Khi điều kiện làm việc có sự thay đổi thì họ có thể còn gặp nhiều sai sót hoặc không hoàn thành được công việc;
- ✓ *Mức độ làm được:* Khi thực hiện nhiệm vụ, chủ thể đã hiểu rõ nhiệm vụ cũng như quy trình làm việc nhưng khi tiến hành thao tác họ còn có những sai sót, thời gian hoàn thành công việc bị chậm và đôi khi còn cần có sự chỉ dẫn;
- ✓ *Mức độ làm chính xác:* Chủ thể đã biết làm việc theo quy trình, thực hiện thao tác chính xác và hoàn thành công việc một cách nhanh chóng.
- ✓ *Mức độ làm biến hoá:* Chủ thể có khả năng di chuyển các kỹ năng đã có sang tìm kiếm phương thức giải quyết các tình huống mới hoặc hình thành được các kỹ năng phức tạp để có thể độc lập, sáng tạo trong khi thực hiện hệ thống các thao -

động tác và cử động lao động.

- ✓ *Mức độ thuần thục/làm tự động hoá*: Nhờ luyện tập, ở chủ thể, kỹ xảo được hình thành đã có tác dụng làm cơ sở tâm lý cho việc phát triển các kỹ năng khác cao hơn;

“Mục tiêu thực hiện là một lời phát biểu mô tả kết quả thực hiện đã dự định của người học vào cuối buổi dạy”. (Robert F. Mager, 1994)

Như vậy mục tiêu thực hiện mô tả sự thực hiện của người học, chứ không phải sự thực hiện của người dạy hay qui trình giảng dạy. Mục tiêu thực hiện là một tuyên bố rõ ràng người học sẽ được đánh giá như thế nào vào cuối bài dạy.

Mục tiêu thực hiện bài dạy bao giờ cũng bắt đầu bằng ***một động từ hành động***. Người dạy cần cân nhắc và lựa chọn kỹ lưỡng nên sử dụng động từ nào để diễn đạt đúng cái gì mong đợi ở người học. Ví dụ việc chọn động từ nào trong hai động từ “xác định” và “sửa chữa” khi viết mục tiêu bài dạy. Để xác định một điều gì đôi khi chỉ cần người học nhớ được một định nghĩa. Còn để “sửa chữa” thì cần người học phải thành thạo một qui trình. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc sử dụng đúng động từ khi viết mục tiêu bài dạy.

Bảng 2.2: *Các mức độ hình thành kỹ năng theo Harrow và ví dụ cụ thể.*

Mức độ	Định nghĩa	Các động từ	Ví dụ
1. <i>Bắt chước</i>	Quan sát và sao chép rập khuôn	<i>Làm theo, lặp lại...</i>	Xẻ đôi được một thanh gỗ, nhiều chỗ còn lệch với mực kẻ, đường cửa còn xơ xước
2. <i>Làm được</i>	Quan sát và thực hiện được như hướng dẫn (kỹ năng)	<i>Thực hiện, lắp, tháo, ráp...</i>	Xẻ đôi được một thanh gỗ theo đúng mực kẻ đường cửa đôi chỗ bị xơ, xước
3. <i>Làm chính xác</i>	Quan sát và thực hiện một cách chính xác như hướng dẫn	<i>Thực hiện chính xác, lắp, chạy xe...</i>	Xẻ đôi được một thanh gỗ theo đúng mực kẻ, đường cửa không xơ xước
4. <i>Làm biến Hoá/phối hợp</i>	Thực hiện kỹ năng trong các hoàn cảnh và tình huống khác nhau	<i>Hoàn thành qui trình, thực hiện tháo ráp chi tiết trong máy công cụ khác...</i>	Xẻ đôi được một thanh gỗ trong các hoàn cảnh thời tiết và chất lượng gỗ khác nhau đúng mực kẻ, đường cửa không xơ xước
5. <i>Làm thuần thục/thành thạo</i>	Đạt trình độ cao về tốc độ và sự chính xác, ít cần sự can thiệp của ý thức.	<i>Thực hiện thành thục, tự động hóa...</i>	Xẻ đôi được một thanh gỗ không cần tới mực kẻ, đường cửa không xơ xước, có thể vừa xẻ gỗ vừa tán chuyên.

Một mục tiêu bài dạy thực hành tốt thường bao gồm đầy đủ **3 cấu phần** là: **“Điều kiện”**, **“Sự thực hiện”**, và **“Tiêu chuẩn đánh giá”**. Nếu phân tích sâu hơn, trong mỗi cấu phần trên lại bao gồm 2 thành tố:

- ✓ Cấu phần “Điều kiện” bao gồm: “Bối cảnh” và “Tín hiệu”;
- ✓ Cấu phần “Sự thực hiện” bao gồm: “Ai” và “Làm gì”;
- ✓ Cấu phần “Tiêu chuẩn đánh giá” bao gồm “Tiêu chuẩn” và “Thời lượng”.

Cụ thể:

- ✓ Tuyên bố “Bối cảnh”: Mô tả những điều kiện hoặc biến số ảnh hưởng tới trình độ thực hiện chung.
- ✓ Tuyên bố “Tín hiệu”: Xác định tín hiệu, dấu hiệu hoặc sự kiện dẫn đến việc thực hiện.
- ✓ Tuyên bố “Ai”: Bao gồm chức danh công việc của người thực hiện và cụm từ “có khả năng”
- ✓ Tuyên bố “Làm gì”: Chỉ sự thực hiện có thể quan sát được và sẽ được trình diễn hoặc đánh giá khi học xong (được thể hiện bằng một động từ hành động duy nhất và bỏ ngữ của nó)
- ✓ Tuyên bố “Thời lượng”: Nêu giới hạn thời gian thực hiện (nếu có thể xác định được)
- ✓ Tuyên bố “Tiêu chuẩn”: Chỉ bao gồm những tiêu chí quan trọng nhất sẽ được đánh giá khi thực hiện. Trong đào tạo, các tiêu chuẩn thường thấp hơn trong thực tế hoạt động nghề nghiệp và tiến dần tới đạt được các tiêu chuẩn quy định trong thực tế. Nhưng có một số nghề (ví dụ như nghề lái máy bay hoặc nghề cảnh sát) thì tiêu chuẩn trong đào tạo được đặt ra cao hơn các tiêu chuẩn trong hoạt động thực tế.

Mục tiêu bài dạy thực hành có thể bao gồm nhiều mệnh đề, mỗi mệnh đề là một tuyên bố mục tiêu thực hiện bao gồm đủ 3 cấu phần như đã nêu trên.

Ví dụ: Với bài dạy thực hành kỹ năng “Đo huyết áp”, mục tiêu bài dạy thực hành sẽ được viết như sau:

Người y tá tương lai có khả năng: Đo huyết áp của bệnh nhân thường lệ, trong thời gian 5 phút. Trước hết phải nhận dạng đúng bệnh nhân; kết quả đo huyết áp phải trong phạm vi sai số $\pm 2\text{mmHg}$ so với kết quả đo của người dạy; Huyết áp ngoài phạm vi bình thường phải được báo ngay cho y tá trưởng; Kết quả đo huyết áp phải được ghi rõ ràng trên phiếu bệnh nhân.

Bảng 2.3: Mẫu viết mục tiêu thực hiện cho bài dạy thực hành

Hoạt động: Hãy chọn 4 kỹ năng và viết mục tiêu bài dạy thực hành kỹ năng đó theo mẫu sau:

Điều kiện: Bối cảnh Tín hiệu	
Sự thực hiện: Ai Làm gì	
Tiêu chuẩn đánh giá: Tiêu chuẩn Trong thời gian	

2.5.1.3. Xác định mục tiêu thái độ cho các bài dạy

Khi tổ chức dạy học, nhà sư phạm phải đảm bảo thực hiện được các chức năng giáo dục như hình thành phẩm chất, thái độ cho nhân cách của người học. Trên cơ sở tổ chức quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng, người học cần được giáo dục về thái độ. Sự đáp ứng về mặt tình cảm của chủ thể đối với các vấn đề có liên quan tới sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu được biểu hiện ở năm mức độ khác nhau từ hưởng ứng đến thực hiện:

- ✓ Tiếp thu: Người học biểu hiện thái độ đồng ý, còn phân vân hoặc không đồng ý.
- ✓ Hưởng ứng: Người học nhận thấy đây là vấn đề cần thiết nên cam kết thực hiện hoặc thấy chưa cần thiết hoặc không cần thiết phải tuân thủ;
- ✓ Đánh giá: Người học tiến hành đánh giá lại các giá trị cũng như phân tích tính chất của các giá trị mới;
- ✓ Tổ chức lại các giá trị mới: Chủ thể tiến hành hệ thống hóa các giá trị theo định hướng chiến lược của một tư tưởng giá trị học xác định;
- ✓ Hành động theo các giá trị mới: Chủ thể tiến hành giải quyết hệ thống nhiệm vụ sống, hoạt động, giao tiếp theo đúng các chuẩn giá trị mới trong suốt thời gian và không gian sống của mình.

Đối với bài dạy trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp mục tiêu thái độ đều hướng tới hình thành cho người học trong cả ba bài dạy: lý thuyết, thực hành và cả bài dạy tích hợp. Vì vậy

Bảng 5.4: Các mức độ mục tiêu về thái độ và ví dụ minh họa.

Mức độ	Định nghĩa	Ví dụ
1. Tiếp thu	Người học biểu hiện thái độ đồng ý, còn phân vân hoặc không đồng ý.	Người học có cảm xúc được bảo vệ môi trường và vai người học quan trọng của nó trong cuộc sống lao động và sản xuất.
2. Hưởng ứng	Người học nhận thấy đây là vấn đề cần thiết nên cam kết thực hiện hoặc thấy chưa cần thiết hoặc không cần thiết phải tuân thủ;	Người học sẵn sàng bỏ rác đúng nơi qui định
3. Đánh giá	Người học tiến hành đánh giá lại các giá trị cũng như phân tích tính chất của các giá trị mới;	Người học không hái hoa, bẻ cành cây xanh nơi công cộng
4. Tổ chức lại các giá trị mới	Chủ thể tiến hành hệ thống hóa các giá trị theo định hướng chiến lược của một tư tưởng giá trị học xác định;	Người học coi việc bảo vệ cây xanh, giữ gìn môi trường sạch đẹp là nhiệm vụ của mình
5. Hành động theo các giá trị mới	Chủ thể tiến hành giải quyết hệ thống nhiệm vụ sống, hoạt động, giao tiếp theo đúng các chuẩn giá trị mới trong suốt thời gian và không gian sống của mình.	Người học ý thức được sự sinh tồn, sức khỏe của con người đối với việc bảo vệ môi trường.

2. 5. 2. Biên soạn nội dung dạy học

2. 5. 2. 1. Cơ sở của biên soạn nội dung dạy học

Nội dung dạy học là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình dạy học, được hiểu là cái đem ra để dạy học và trên cơ sở thực hiện nó mới đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra.

Nội dung dạy học của mỗi bài học trong chương trình giáo dục nghề nghiệp là những đơn vị kiến thức và những nhiệm vụ, công việc nhất định của nghề. Nội dung dạy học này giúp người học có được những hiểu biết cần thiết để thực hiện những nhiệm vụ công việc đã xác định và cũng qua đó người học có được "năng lực tự chủ và trách nhiệm" khi thực hiện nhiệm vụ công việc được giao.

Như vậy, nội dung dạy học vừa là cái để trang bị hiểu biết và năng lực hành động tương ứng của người học, lại vừa là cái để trang bị "năng lực tự chủ và trách nhiệm" cho họ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công việc.

2. 5. 2. 2. Các thành phần chủ yếu của nội dung dạy học

Thành phần thứ nhất: Hệ thống những tri thức khoa học (về tự nhiên, về xã hội), những tri thức về kỹ thuật và công nghệ, về cách thức hoạt động trí óc và hoạt động chân tay có liên quan đến ngành, nghề nhất định. Hệ thống những tri thức này có thể

phân thành bốn loại đó là tri thức cơ bản, tri thức cơ sở, tri thức chuyên ngành, nghề và tri thức công cụ.

- Những tri thức cơ bản là những tri thức tạo nên nền học vấn của người cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý, nghiệp vụ. Phải nhờ những tri thức này thì mới có thể lĩnh hội được những tri thức cơ sở của chuyên ngành và chuyên ngành.

- Những tri thức cơ sở của chuyên ngành, nghề thường là những tri thức đại cương về chuyên ngành. Chúng được lĩnh hội dựa trên những tri thức cơ bản và đồng thời lại tạo cơ sở để lĩnh hội những tri thức chuyên ngành, nghề.

- Những tri thức chuyên ngành, nghề là những tri thức có liên quan trực tiếp đến hoạt động nghề nghiệp. Chúng được lĩnh hội dựa trên những tri thức cơ sở của chuyên ngành, nghề và những tri thức cơ bản.

Tri thức công cụ là những tri thức làm có tính hỗ trợ cho việc lĩnh hội những tri thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành (ví dụ: ngoại ngữ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp tổ chức lao động trí óc, chân tay, logic học...).

Trong lịch sử phát triển của nhà trường, đã và đang tồn tại những kiểu đào tạo khác nhau có liên quan đến mức độ, phạm vi của các loại tri thức cơ bản, cơ sở của chuyên ngành, nghề và chuyên ngành, nghề trong nội dung dạy học.

Thành phần thứ hai: Hệ thống những kỹ năng nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và tự học. Bất kỳ một cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý nào cũng phải có được hệ thống những kỹ năng nghề nghiệp. Phải có hệ thống kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trên cơ sở hệ thống những tri thức tiếp thu được. Nhờ vậy, họ sẽ có thể tiến hành tự học, nghiên cứu khoa học và đặc biệt là tiến hành hoạt động nghề nghiệp đạt được hiệu quả cao nhất.

Hệ thống kỹ năng nghề nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau: phải phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động nghề nghiệp cơ bản, không thừa, không thiếu:

- Chúng cần được xác định rõ ràng, cụ thể, có thể “đo đếm được”;
- Chúng được người học chiếm lĩnh một cách có kế hoạch, có hệ thống, có hiệu quả.

Thành phần thứ ba: Hệ thống những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo. Hoạt động học tập nói riêng và hoạt động nghề nghiệp nói chung phải là những hoạt động sáng tạo. Nhờ những kinh nghiệm sáng tạo, hoạt động học tập của người học sẽ không tiến hành theo khuôn mẫu. Trái lại, nó sẽ được thiết kế và thi công một cách tối ưu, đạt được những hiệu quả cao nhất với chi phí ít nhất về thời gian, sức lực và tiền của.

Hoạt động nghề nghiệp, với những kinh nghiệm sáng tạo, cũng sẽ được thiết kế và thi công với tính năng động cao trong hoàn cảnh kinh tế hàng hóa với cơ thể thị trường. Nó sẽ dễ dàng thích ứng được với những biến động luôn nảy sinh của bản thân nghề nghiệp nói riêng, của hoàn cảnh kinh tế nói chung.

Thành phần thứ tư: Những chuẩn mực về thái độ đối với tự nhiên, đối với xã hội, đối với người khác, đối với công việc, đối với bản thân. Những chuẩn mực này đảm bảo